

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Bia Sài Gòn - Hà Nội

Ngày 31/03/2025	21,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	15.0%	15.0%	13.2%

DT thuần Q1/25
109
tỷ VNĐ
QoQ: ▼44.0 -29.0%
YoY: ▼21.0 -16.5%

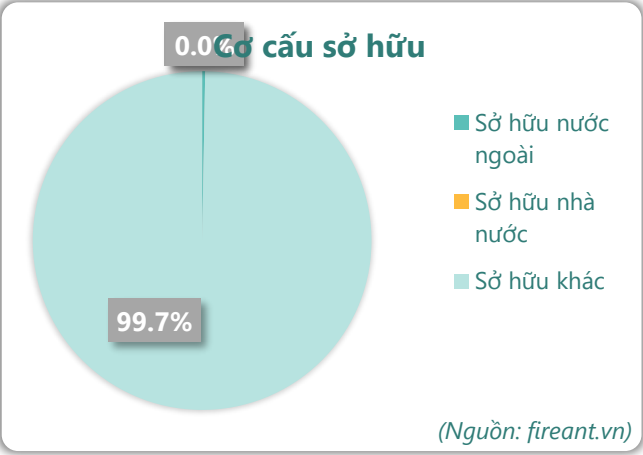
LN thuần Q1/25
-1.34
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.8 -114%
YoY: ▼9.10 -117%

LN sau thuế Q1/25
-1.36
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.87 -118%
YoY: ▼7.46 -122%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
-1.2%
YoY: +/-▼ 7.5%

ROE (TTM) Q1/25
10.9%
YoY: +/-▼ 2.6%

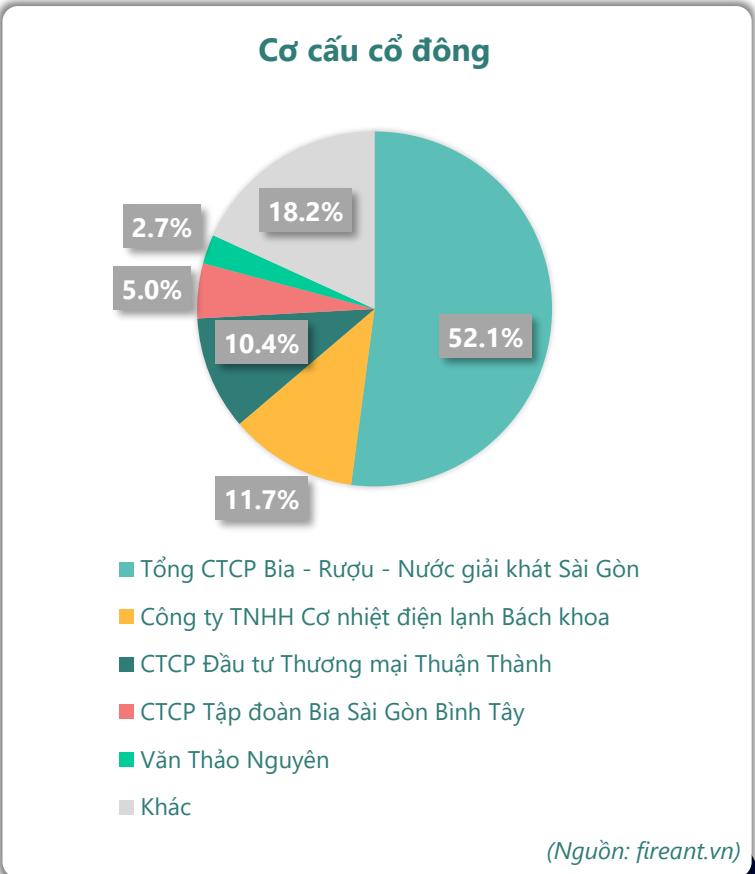
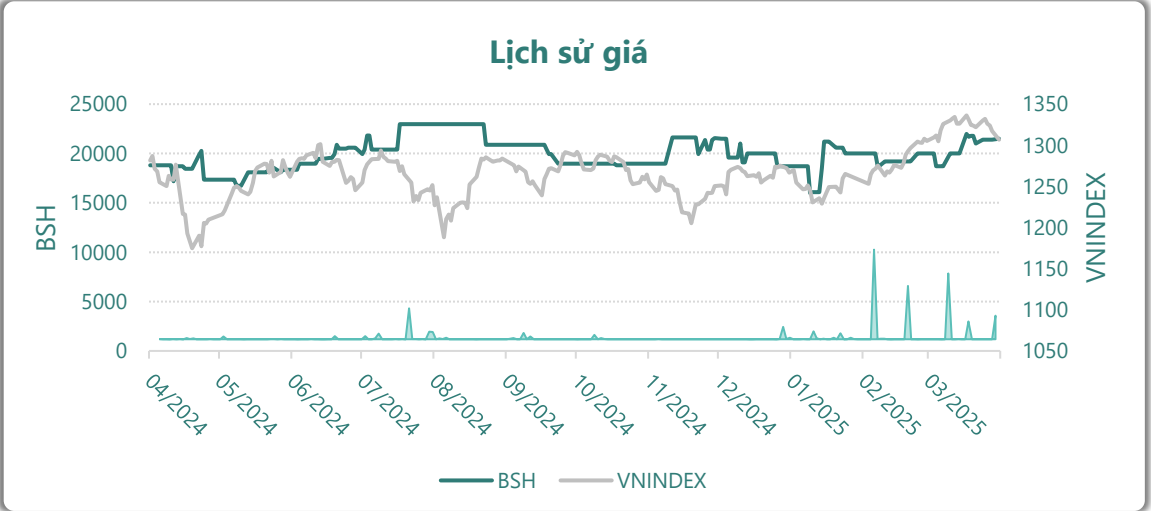
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	16,000 - 22,972
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	387
Số lượng CPLH (CP)	18,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	520
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.37
EPS	1,863
P/E	11.5



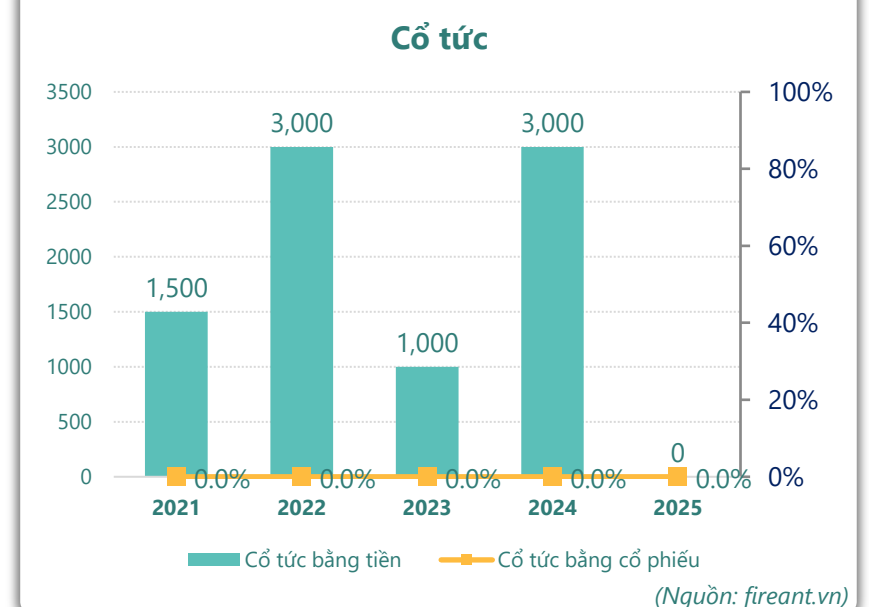
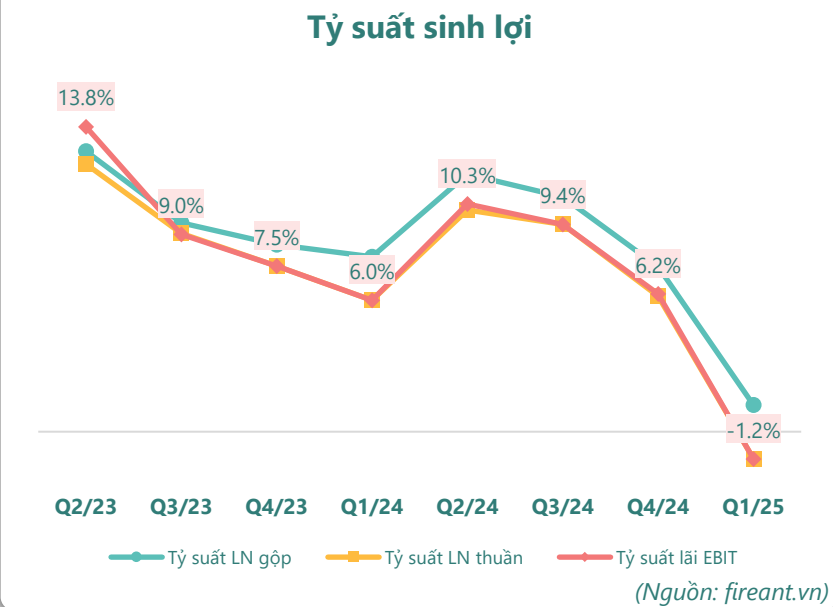
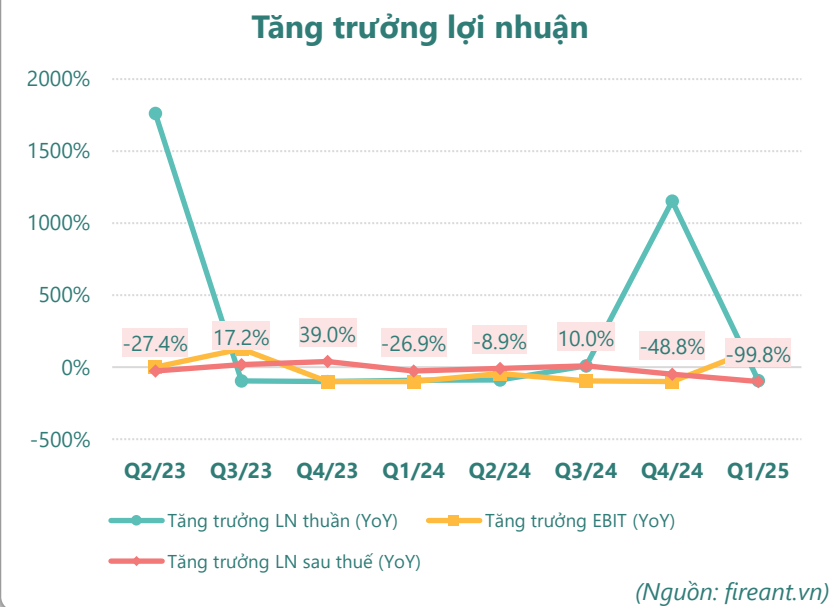
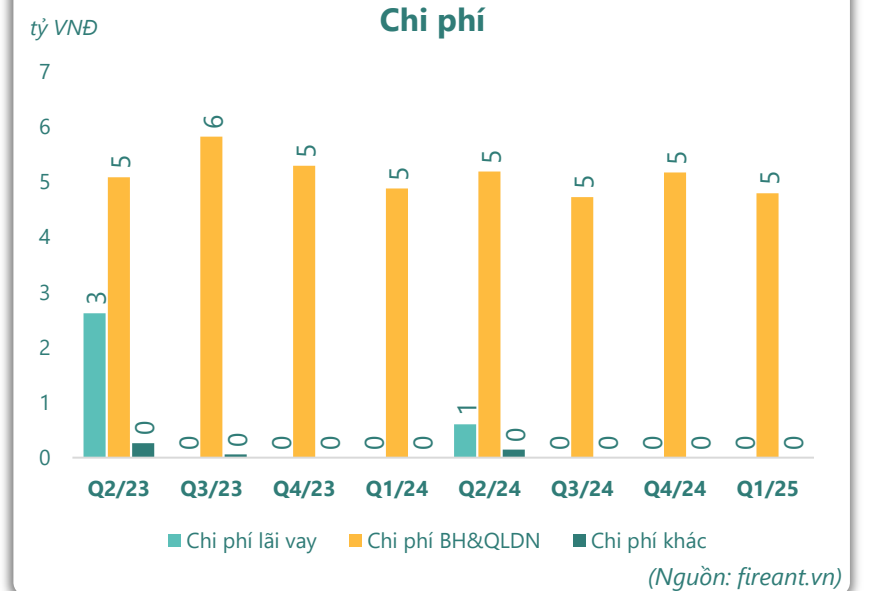
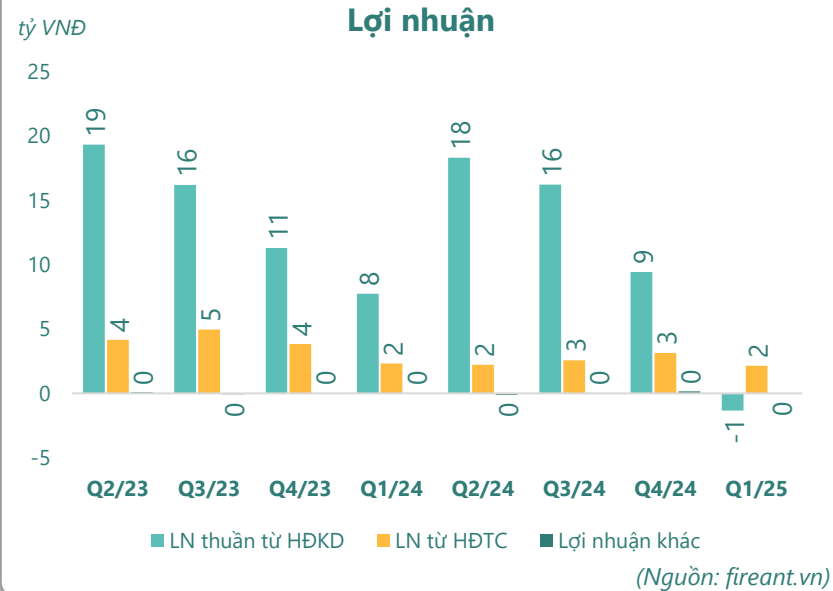
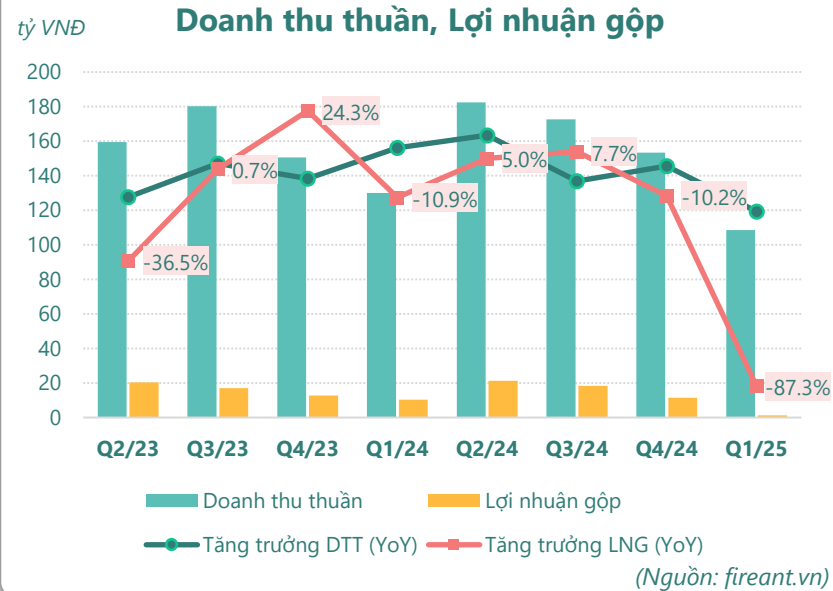
DT thuần 2024
638
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 29.0 4.8%

LN thuần 2024
51.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼11.3 -17.9%

LN sau thuế 2024
41.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.40 -17.0%



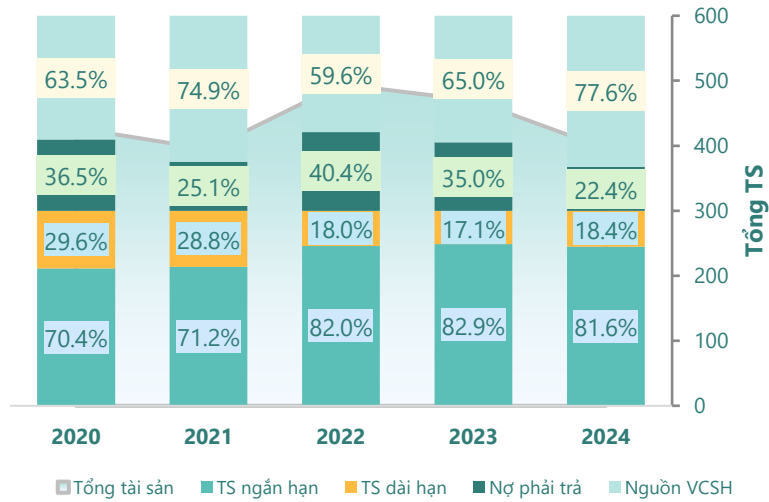
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

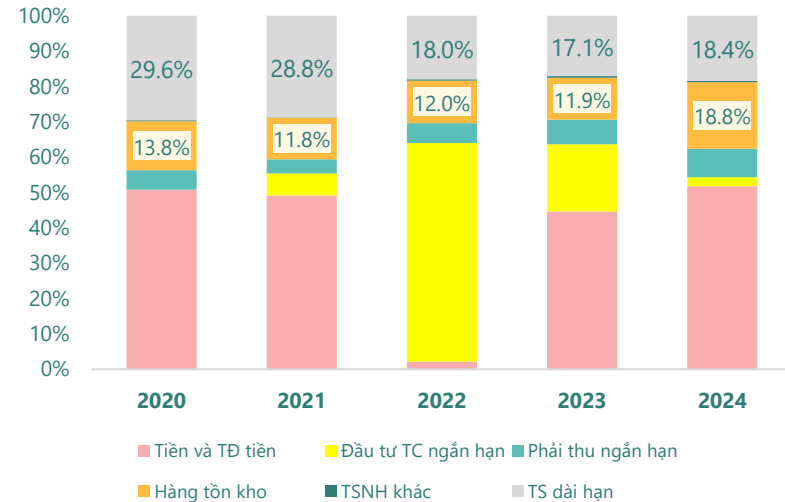
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

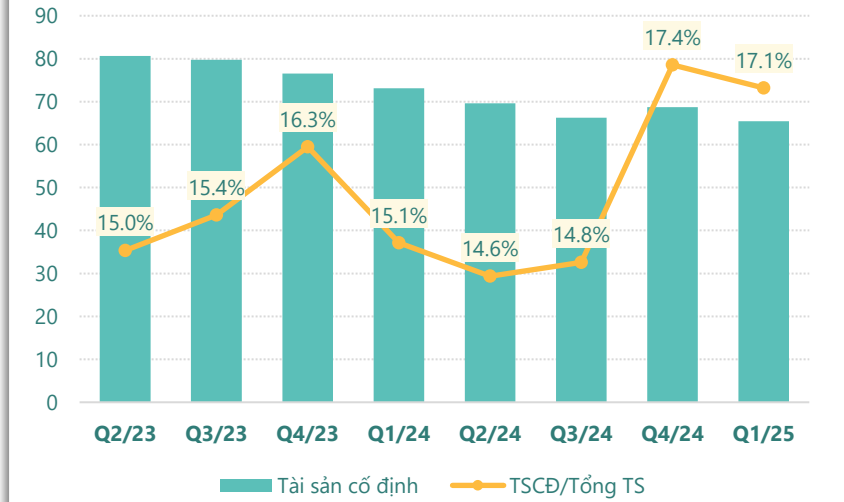
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

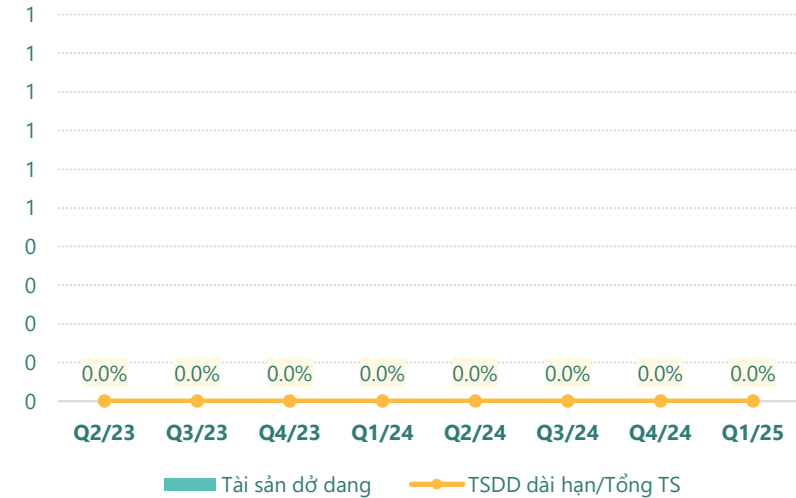
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

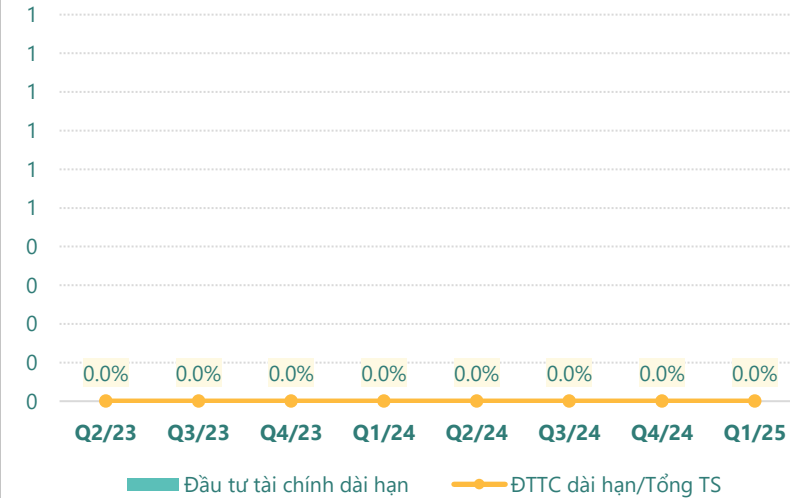
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

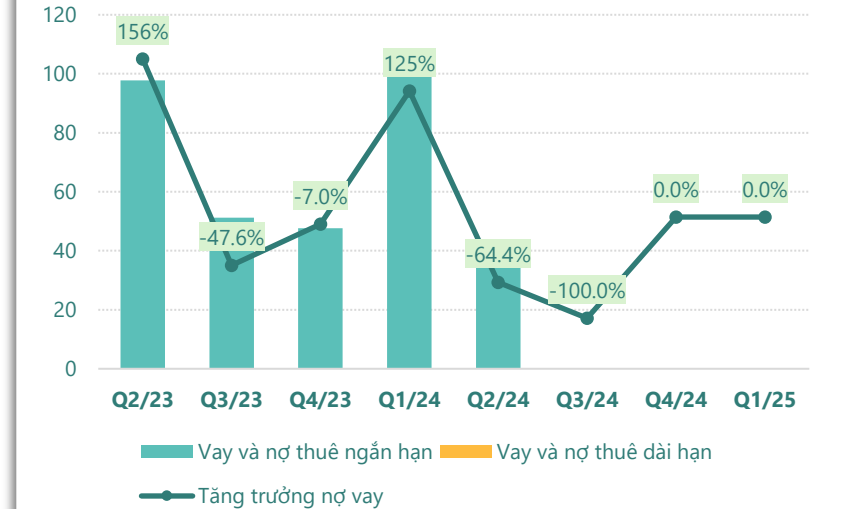
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

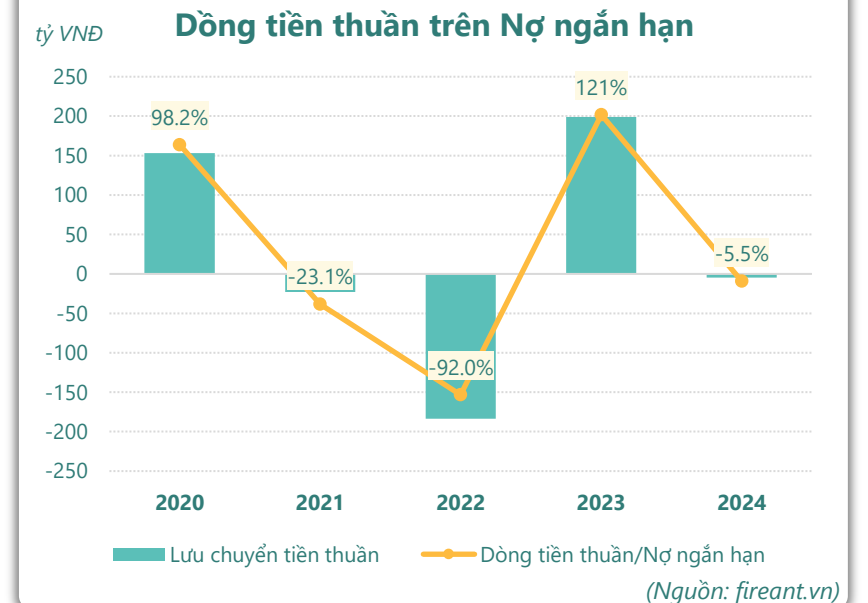
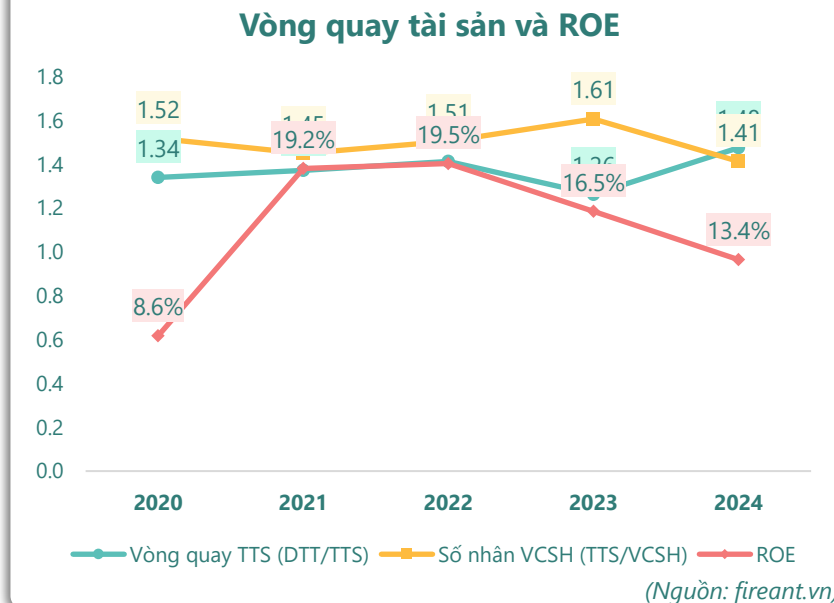
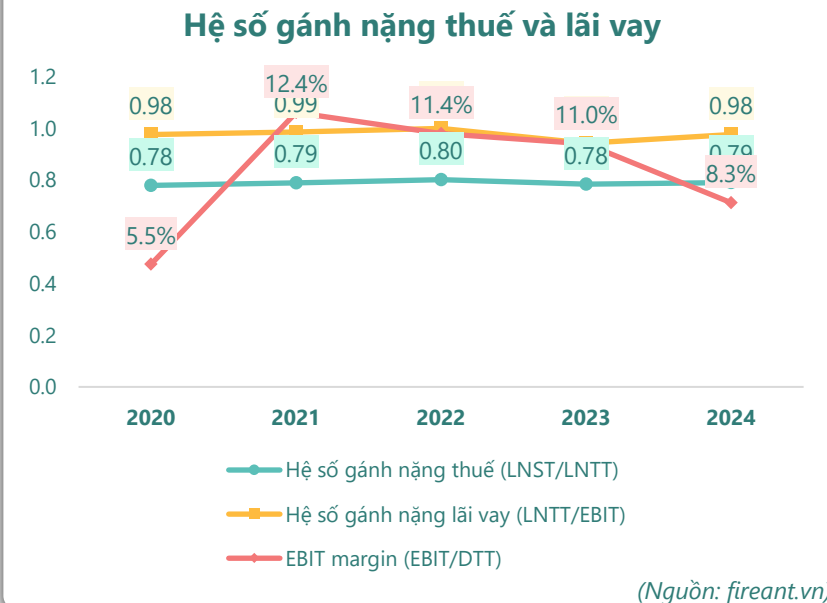
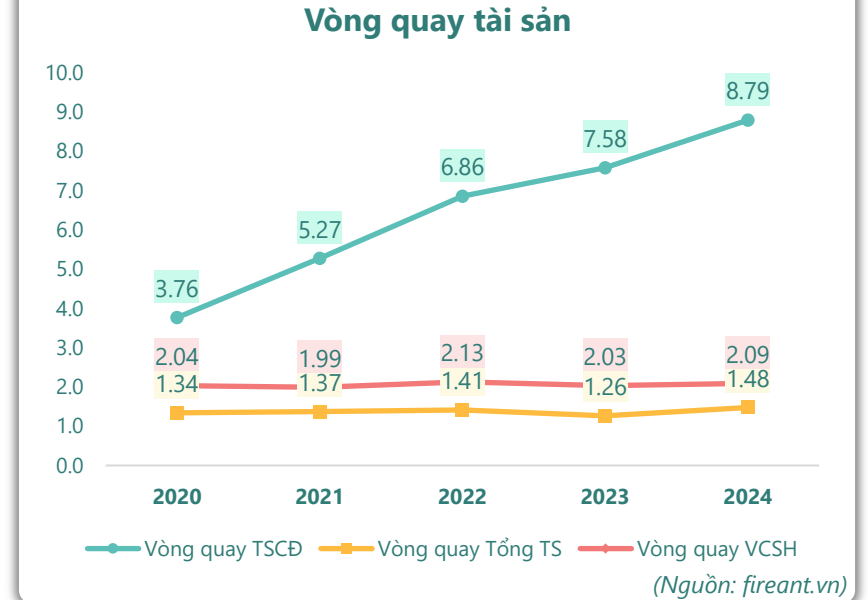
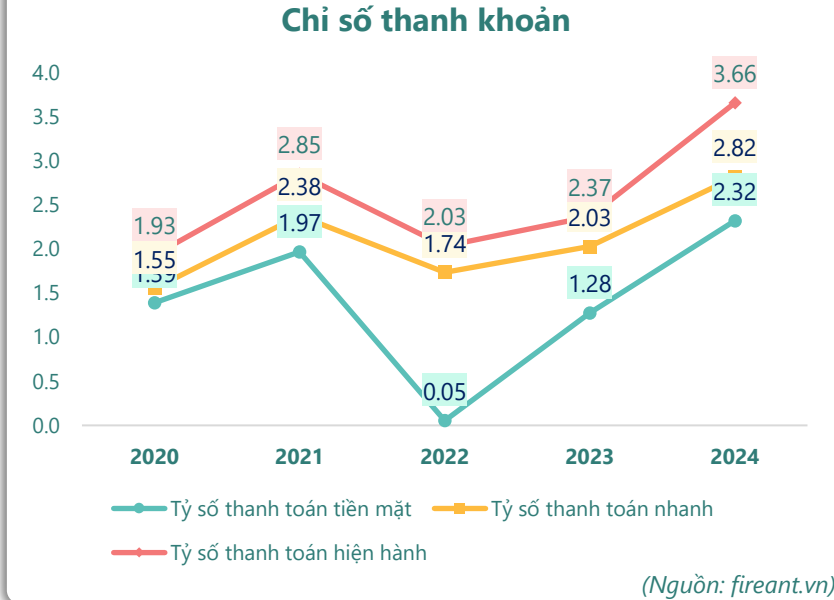
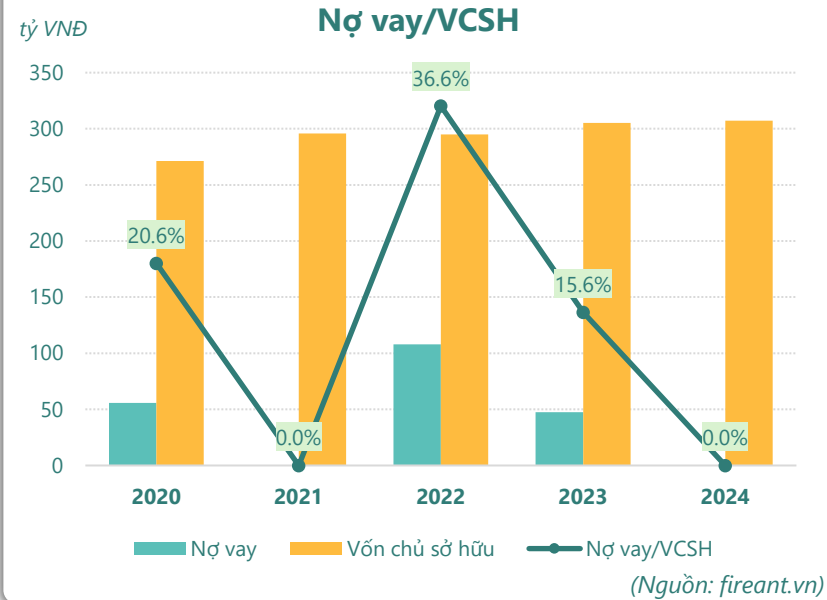
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	109	130	-16.5%	638	609	4.8%
Giá vốn hàng bán	107	120	-10.6%	577	543	6.3%
Lợi nhuận gộp	1.31	10.3	-87.3%	61.5	66.1	-7.0%
Doanh thu HĐTC	2.15	3.00	-28.4%	11.5	20.2	-42.8%
Chi phí TC	0	0.68	-100%	1.29	3.86	-66.5%
Chi phí lãi vay	0	0.00		1.29	3.82	-66.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.46	0.54	-14.4%	2.97	2.46	21.0%
Chi phí QLDN	4.34	4.35	-0.2%	17.0	16.9	0.5%
LN thuần từ HĐKD	-1.34	7.76	-117%	51.8	63.1	-17.9%
Lợi nhuận khác	0.00	0.00		0.05	-0.11	146%
LN trước thuế	-1.34	7.76	-117%	51.8	63.0	-17.7%
Lợi nhuận sau thuế	-1.36	6.10	-122%	41.0	49.4	-17.0%
LNST của CĐ cty mẹ	-1.36	6.10	-122%	41.0	49.4	-17.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-53.1	-9.61	56.8	22.9	-58.3	12.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	236	-226	33.6	280	-2.66	-34.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.52	32.7	-68.4	-47.8	-17.9	-0.03
Tiền đầu kỳ	29.9	210	6.37	28.4	284	205
Lưu chuyển tiền thuần	180	-203	22.0	255	-78.8	-21.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	210	6.37	28.4	284	205	183

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	383	396	-3.1%
Tài sản ngắn hạn	315	323	-2.5%
Tiền và tương đương tiền	183	205	-10.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	47.0	10.0	370%
Phải thu ngắn hạn	31.5	31.9	-1.5%
Hàng tồn kho	51.9	74.3	-30.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1.24	1.66	-25.0%
Tài sản dài hạn	68.8	72.8	-5.5%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	65.4	68.7	-4.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.37	4.14	-18.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	78.7	88.5	-11.0%
Nợ ngắn hạn	78.4	88.2	-11.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	9.50	15.2	-37.5%
Nợ dài hạn	0.32	0.25	29.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	305	307	-0.8%
Vốn chủ sở hữu	305	307	-0.8%
Vốn điều lệ	180	180	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

